

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST

Ngày 26-6-2020

V/v: “Tranh chấp về xác định con
cho cha”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

2. Bà Tống Thị Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn – chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1017/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2019 về “Tranh chấp về xác định con cho cha” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1989 - vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Đường N, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Minh T, sinh năm 1989 - vắng mặt

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Tấn P trình bày: Anh P và chị T chung sống với nhau

từ năm 2017 đến năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh P và chị T có 01 con chung là Trần Minh P1, sinh ngày 08/01/2018. Sau khi sinh cháu P1 xong, do có mâu thuẫn nên anh P và chị T không sống chung với nhau nữa, cháu Trần Minh P1 do anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi 01 tháng tuổi cho tới nay. Thời điểm đăng ký giấy khai sinh cho cháu P1, do anh P và chị T không đăng ký kết hôn nên chị T chỉ đăng ký khai sinh tên mẹ đẻ là Trần Thị Minh T. Vừa qua, anh P đã tiến hành xét nghiệm AND giữa anh P và cháu P1 tại Trung tâm phân tích AND và Công nghệ di truyền; Theo kết quả phân tích AND ngày 28/11/2019 thì cháu Trần Minh P1 là con đẻ của anh P.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh P và cháu P1, anh P đề nghị Tòa án công nhận cháu Trần Minh P1, sinh ngày 08/01/2018 là con chung của anh P và chị T, anh P là cha đẻ của cháu P1.

Tại bản tự khai ngày 27/12/2019, Bị đơn chị Trần Thị Minh T trình bày:

Thời gian 2017 chị T và anh P có quan hệ tình cảm với nhau và chị T đã có thai, đến ngày 08/01/2018 chị T sinh 01 cháu bé giới tính: Nam, chị T đi đăng ký khai sinh tại UBND phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và đặt tên cháu là Trần Minh P1. Sau khi sinh cháu được hơn 01 tháng anh P có về thăm chị T và bé cháu P1 đi mặc dù không được sự đồng ý của chị T, thời gian qua chị T có tìm kiếm nhưng không có kết quả.

Nay anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án xác nhận cháu Trần Minh P1, sinh ngày 08/01/2018 là con đẻ của anh P thì chị T không đồng ý. Chị T không yêu cầu giám định AND về quan hệ huyết thống giữa anh P và cháu P1.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành pháp luật chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn P. Xác nhận cháu: Trần Minh P1, giới tính: Nam; sinh ngày 08 tháng 01 năm 2018 là con đẻ của anh Nguyễn Tấn P và chị Trần Thị Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp về xác định con cho cha” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ kiện, mặc dù đã được thông báo nhiều lần, nhưng chị T không tới Tòa án để tham gia hòa giải nên vụ kiện không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt là lần thứ hai, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt; Do

vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thời gian năm 2017, anh Nguyễn Tấn P và chị Trần Thị Minh T có quan hệ tình cảm chung sống với nhau và chị Trần Thị Minh T đã có thai, ngày 08/01/2018 chị T sinh 01 cháu bé, giới tính nam, chị T khai sinh và đặt tên cháu là Trần Minh P1; Thời gian sau này anh P và chị T không còn chung sống với nhau nữa và anh P đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Minh P1 từ khi 01 tháng tuổi cho tới nay. Căn cứ kết quả xét nghiệm AND giữa anh Nguyễn Tấn P và cháu Trần Minh P1 tại Trung tâm phân tích AND và Công nghệ di truyền ngày 28/11/2019 kết luận thì cháu Trần Minh P1 là con đẻ của anh Nguyễn Tấn P; Do vậy anh P1 yêu cầu Tòa án xác nhận cháu Trần Minh P1, sinh ngày 08/01/2018 là con đẻ của anh Nguyễn Tấn P và chị Trần Thị Minh T là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 91, Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận, chị T không chấp nhận yêu cầu của anh P xác định cháu P1 là con đẻ của anh P và chị T là không chấp nhận được.

[3] Về án phí và chi phí xét nghiệm AND, anh Nguyễn Tấn P có đơn xin tự nguyện chịu toàn bộ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 91, khoản 2 Điều 101, Điều 102 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ: Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn P.

1. Xác nhận cháu: Trần Minh P1, giới tính: Nam; sinh ngày 08 tháng 01 năm 2018 là con đẻ của anh Nguyễn Tấn P và chị Trần Thị Minh T.

2. Về án phí và chi phí giám định: Anh Nguyễn Tấn P chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Anh V đã nộp thay anh Nguyễn Tấn P tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số: 0005513 ngày 18/12/2019; Anh Nguyễn Tấn P chịu toàn bộ tiền chi phí giám định AND (anh P đã tự chi phí).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Dư